

THÀNH PHẦN LOÀI ẾCH NHÁI, BÒ SÁT Ở TỈNH ĐỒNG THÁP

NGÔ ĐẮC CHỨNG

Đại học Sư phạm, đại học Huế

HOÀNG THỊ NGHIỆP

Đại học Sư phạm Đồng Tháp

Đồng Tháp là một tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có tọa độ địa lý: 10°10'02" - 11°11'00" vĩ độ Bắc, 105°10'00" - 105°60'00" kinh độ Đông. Địa hình chia thành 2 vùng lớn: vùng phía Bắc sông Tiền và vùng phía Nam sông Tiền. Hệ động, thực vật rất phong phú, nhiều loài quý hiếm. Để góp phần vào việc phát triển bền vững nguồn tài nguyên sinh vật của tỉnh thì việc nghiên cứu khu hệ động vật ở đây rất cần thiết. Tuy nhiên, hiện nay việc nghiên cứu về thành phần loài ếch nhái, bò sát ở tỉnh Đồng Tháp dường như còn bỏ trống. Vì vậy, nghiên cứu thành phần loài ếch nhái, bò sát ở tỉnh Đồng Tháp là rất cần thiết.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chúng tôi tiến hành các đợt khảo sát và thu mẫu trên thực địa từ tháng 8/2004-6/2006, các đợt tập trung như sau: Đợt I: Tháng 8/2004, đợt II: Tháng 6/2005, đợt III: Tháng 8/2005, đợt IV: Tháng 1/2006, đợt V: Tháng 5/2006.

Các tuyến thu mẫu và khảo sát được thực hiện ở 20 địa điểm thuộc các huyện thị của Đồng Tháp: thị xã Cao Lãnh, huyện Tân Hồng,

Hồng Ngự, Tam Nông, Thanh Bình, Tháp Mười, Cao Lãnh, Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành.

Mẫu vật được thu trực tiếp trên địa bàn nghiên cứu hoặc mua lại ở các điểm mua bán động vật hoang dã. Mẫu thu được định hình bằng phormol 4%, sau đó bảo quản trong cồn 79°. Quan sát, chụp ảnh, đặc điểm hình thái đối với các loài không được phép thu mẫu hoặc các di vật của loài còn lưu lại. Phỏng vấn những người thường tiếp xúc với ếch nhái, bò sát (như thợ săn, những người chuyên mua bán ếch nhái, bò sát trong vùng...). Trong quá trình đi phỏng vấn chúng tôi kết hợp thăm định bằng bộ ảnh mẫu của các loài.

Căn cứ vào tần suất gặp cũng như số lượng cá thể của các loài, chúng tôi chia ra ba mức độ: thường gặp (+++) khi có tần suất gặp 75% - 100% tổng số điểm thu mẫu, ít gặp (++) khi có tần suất gặp 50% - 74% tổng số điểm thu mẫu và loài hiếm gặp (+) khi tần suất gặp ít hơn 50% tổng số điểm thu mẫu.

II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Danh sách thành phần loài

Bảng 1

Thành phần loài ếch nhái, bò sát ở Tỉnh Đồng Tháp

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Tư liệu	Tần số gặp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	AMPHIBIA	LỚP ẾCH NHÁI		
	I. Gymnophiona	Bộ Không chân		
	1. Ichthyophiidae	Họ ếch giun		
1	<i>Ichthyophis bannanicus</i> (Yang, 1984)	Ếch giun	M	+
	II. Anura	Bộ Không đuôi		
	2. Bufonidae	Họ Cóc		
2	<i>Bufo melanostictus</i> (Schneider, 1799)	Cóc nhà	M	+++

	3. Ranidae	Họ Ếch nhái		
3	<i>Hoplobatrachus rugulosus</i> (Wiegman, 1835)	Ếch đồng	M	+++
4	<i>Hoplobatrachus</i> sp.	Ếch	M	+++
5	<i>Limnonectes kuhlii</i> (Tchudi, 1838)	Ếch nhèo		+
6	<i>Limnonectes canvivorus</i> (Gravenhorst, 1829)	Ếch cua	M	++
7	<i>Limnonectes dabanus</i> (Smith, 1922)	Ếch mụn Nam bộ	M	+
8	<i>Limnonectes kohchangae</i> (Smith, 1922)	Ếch cóc chang	M	+
9	<i>Limnonectes khammonensis</i> (Smith, 1992)	Ếch Khăm muộm	M	+++
10	<i>Limnonectes limnocharis</i> (Boie, 1834)	Ngóe	M	+++
11	<i>Occidozyga laevis</i> (Gunther, 1859 “1858”)	Cóc nước nhẵn	M	+
12	<i>Occidozyga lima</i> (Gravenhorst, 1829)	Cóc nước sần	M	+
13	<i>Occidozyga martensii</i> (Peters, 1867)	Cóc nước marten	M	+
14	<i>Rana erythraea</i> (Schlegel, 1837)	Chàng xanh	M	++
15	<i>Rana leptoglossa</i> (Bourret, 1937)	Chàng lưỡi	M	+++
16	<i>Rana taipehensis</i> (Van Denburgh, 1909)	Chàng đài bắc	M	+
17	<i>Rana macrodactyla</i> (Gunther, 1859 “1858”)	Chàng hiu	M	+++
18	<i>Rana guentheri</i> (Boulenger, 1882)	Chẫu	M	+
19	<i>Rana johnsi</i> (Smith, 1921)	Hiu hiu	ĐT	+
	4. Rhacophoridae	Họ Ếch cây		
20	<i>Polypedates leucomystax</i> (Gravenhorst, 1829)	Ếch cây mép trắng	M	+++
	5. Microhylidae	Họ Nhái bầu		
21	<i>Kaloula pulchra</i> (Gray, 1831)	Ếnh ương thường	M	+++
22	<i>Microhyla heymonsi</i> Vogt, 1911	Nhái bầu hây môn	M	+
	REPTILIA	LỚP BÒ SÁT		
	III. Squamata	Bộ Có vảy		
	6. Gekkonidae	Họ Tắc kè		
23	<i>Hemidactylus garnoti</i> Dumôril et Bibron, 1836	Thạch sùng đuôi dẹp	M	+
24	<i>Hemidactylus frenatus</i> Schelegel, in Dumeril et Bibron, 1836	Thạch sùng đuôi sần	M	+++
25	<i>Gekko gecko</i> (Linnaeus, 1758)	Tắc kè	M	++
	7. Agamidae	Họ Nhông		
26	<i>Calotes versicolor</i> (Daudin, 1802)	Nhông xanh	M	+++
	8. Scincidae	Họ Thần lằn bóng		
27	<i>Mabuya longicaudata</i> (Hallowell, 1856)	Thần lằn bóng đuôi dài	M	+
28	<i>Mabuya multifasciata</i> (Kuhl, 1820)	Thần lằn bóng hoa	M	+++
	9. Varanidae	Họ Kỳ đà		
29	<i>Varanus salvator</i> (Laurenti, 1786)	Kỳ đà hoa	QS	+
	10. Uropeltidae	Họ Rắn hai đầu		
30	<i>Cylindrophis ruffus</i> (Laurenti, 1768)	Rắn hai đầu đỏ	M	+++
	11. Xenopeltidae	Họ Rắn móng		
31	<i>Xenopeltis unicolor</i> (Reinwardt, in Boie, 1827)	Rắn móng	M	+++
	12. Boidae	Họ Trăn		
32	<i>Python molurus</i> (Linnaeus, 1758)	Trăn đất	M	+
33	<i>Python reticulatus</i> (Schneider, 1801)	Trăn gấm	M	+
	13. Colubridae	Họ Rắn nước		

34	<i>Aheatulla nasuta</i> (Lacôpôde, 1789)	Rắn roi mõm nhọn	M	+++
35	<i>Rhynchophis boulengeri</i> Mocquardt, 1987	Rắn vòi	M	+++
36	<i>Dendrelaphis pictus</i> (Gmelin, 1789)	Rắn leo cây	M	+++
37	<i>Chrysopelea ornata</i> (Shaw, 1802)	Rắn cườm	M	+++
38	<i>Erpeton tentaculatum</i> Lacôpôde, 1800	Rắn râu	M	+++
39	<i>Homalopsis buccata</i> (Linnaeus, 1758)	Rắn ri cá	M	+++
40	<i>Elaphe radiata</i> (Schlegel, 1837)	Rắn sọc dưa	M	+++
41	<i>Enhydriis enhydriis</i> (Schneider, 1799)	Rắn bông súng	M	+++
42	<i>Enhydriis innominata</i> (Morice, 1875)	Rắn bông không tên	M	+++
43	<i>Enhydriis jagori</i> (Peter, 1863)	Rắn bông gia gô	M	+++
44	<i>Enhydriis bocourti</i> (Jan, 1865)	Rắn bông voi	M	++
45	<i>Enhydriis plumbea</i> (Boie, 1827)	Rắn bông chì	M	+++
46	<i>Ptyas korros</i> (Schlegel, 1837)	Rắn ráo thường	M	+++
47	<i>Ptyas mucosus</i> (Linnaeus, 1758)	Rắn ráo trâu	ĐT	+
48	<i>Rhabdophis subminiatus</i> (Schlegel, 1837)	Rắn hoa cỏ nhỏ	M	++
49	<i>Xenochrophis piscator</i> (Schneider, 1799)	Rắn nước	M	+++
50	<i>Oligodon taeniatus</i> (Gunther, 1861)	Rắn khiếm vạch	M	+++
51	<i>Oligodon cinereus</i> (Gunther, 1864)	Rắn khiếm xám	M	+
52	<i>Amphiesma stolata</i> (Linnaeus, 1758)	Rắn sãi thường	M	+++
	14. Elapidae	Họ Rắn hổ		
53	<i>Bungarus fasciatus</i> (Schneider, 1801)	Rắn cạp nong	M	+
54	<i>Naja atra</i> Cantor, 1842	Rắn hổ mang	TL	+
55	<i>Naja siamensis</i> Laurenti, 1768	Rắn hổ mang Thái Lan	ĐT	+
56	<i>Ophiophagus hannah</i> (Cantor, 1836)	Rắn hổ chúa	ĐT	+
	15. Viperidae	Họ Rắn lục		
57	<i>Trimeresurus albolabris</i> (Gray, 1842)	Rắn lục mép trắng	ĐT	+
58	<i>Trimeresurus poperum</i> M. Smith, 1937	Rắn lục miền nam	ĐT	+
59	<i>Calloselasma rhodostoma</i> (Boie, 1827)	Rắn choàm quạp	ĐT	+
	IV. Testudinata	Bộ Rùa		
	16. Emydidae	Họ Rùa đầm		
60	<i>Cuora amboinensis</i> (Daudin, 1802)	Rùa hộp lưng đen	M	+
61	<i>Cyclemys tcheponensis</i> (Bourret, 1939)	Rùa đất sê pôn	M	+
62	<i>Cyclemys dentata</i> (Gray, 1831)	Rùa dứa	M	++
63	<i>Heosemys grandis</i> (Gray, 1860)	Rùa đất lớn	M	++
64	<i>Malayemys subtrijuga</i> (Schlegel et S. Muller, 1844)	Rùa ba gờ	M	+++
65	<i>Siebenrockiella crassicola</i> (Gray, 1831)	Rùa cổ bự	M	+
66	<i>Heiremys annadali</i> (Boulenger, 1903)	Rùa răng	M	+
	17. Tryonichidae	Họ Ba ba		
67	<i>Amyda cartilaginea</i> (Boddaert, 1770)	Ba ba Nam bộ	M	+
68	<i>Pelodiscus sinensis</i> (Wiegmann, 1834)	Ba ba trơn	M	++
	V. Crocodylia	Bộ Cá sấu		
	18. Crocodylidae	Họ Cá sấu		
69	<i>Crocodylus siamensis</i> (Schneider, 1801)	Cá sấu xiêm	M	+

Ghi chú: Cột (5): M. mẫu; QS. quan sát; ĐT. điều tra; TL. tài liệu (Sách đỏ Việt Nam (2004) [3]. Cột (6): (+++). thường gặp; (++) . ít gặp; (+). hiếm gặp.

Chúng tôi đã tiến hành thu thập, phân tích mẫu, kết hợp với kết quả quan sát, điều tra và tổng hợp các tài liệu liên quan, bước đầu đã xác định được 69 loài ếch nhái, bò sát ở tỉnh Đồng Tháp (bảng 1).

2. Cấu trúc thành phần loài

a. Độ đa dạng

Bộ Có vảy (Squamata) có số họ, giống và loài là nhiều nhất gồm: 10 họ (chiếm 55,61% tổng số họ), 26 giống (chiếm 60,46% tổng số giống) và 37 loài (chiếm 53,62 tổng số loài). Tiếp đến là Bộ Không đuôi (Anura) có 4 họ (chiếm 22,22%), 8 giống (chiếm 18,61%) và 21 loài (chiếm 30,43%). Bộ Rùa (Testudinata) có 2

họ (chiếm 11,11% tổng số họ), 8 giống (chiếm 18,61%) và 9 loài (chiếm 13,04%). Bộ Không chân (Gymnophiona) và Bộ Cá sấu (Crocodylia) mỗi bộ chỉ có 1 họ (chiếm 5,56%), 1 giống (chiếm 2,33%) và 1 loài (chiếm 1,45%) tổng số loài.

So với toàn quốc, khu hệ ếch nhái, bò sát tỉnh Đồng Tháp có 69 loài (chiếm 15,06% tổng số loài toàn quốc) thuộc 34 giống (chiếm 27,38%), 18 họ (chiếm 54,55%), 5 bộ (chiếm 83,33%). Trong đó, bộ Có vảy (Squamata) có số loài cao nhất. Bộ Không chân (Gymnophiona) và Bộ Cá sấu (Crocodylia) mỗi bộ chỉ có 1 loài (chiếm 0,22%). Như vậy khu hệ ếch nhái, bò sát Đồng Tháp có sự phong phú về họ cao hơn về giống, loài (bảng 2).

Bảng 2

Sự đa dạng của các taxon ở khu hệ ếch nhái, bò sát tỉnh Đồng Tháp

STT	Bộ	Họ		Giống		Loài	
		Số lượng	% So với toàn quốc	Số lượng	% So với toàn quốc	Số lượng	% So với toàn quốc
1	Gymnophyna	1	3,03	1	0,63	1	0,22
2	Anura	4	12,12	8	5,09	21	4,59
3	Squamata	10	30,30	25	15,92	37	8,07
4	Testudinata	2	6,06	8	5,09	9	1,96
5	Crocodylia	1	3,03	1	0,63	1	0,22
Tổng cộng		18	54,55	43	27,38	69	15,06

b. Độ thường gặp

Trong danh sách gồm 69 loài của tỉnh, thì có 30 loài thường gặp (chiếm 43,47%), 8 loài ít gặp (chiếm 11,84%), 31 loài hiếm gặp (chiếm 44,92%). Các loài thường gặp chủ yếu thuộc họ Ếch nhái (Ranidae) và họ Rắn nước (Colubridae) (bảng 1). Một số loài trong họ Rắn nước như *Enhydris enhydris*, *E. innominata*, *E. jagori*, *E. plumbea*, *Ptyas korros*, *Elaphe radiata*, *Homalopsis buccata*, *Erpeton tentaculatum*, *Chrysopelea ornata*, *Dendrelaphis pictus*, *Aheatulla nasuta*, *Rhynchophis boulengeri* có trữ lượng dồi dào.

c. Mức độ quý hiếm và đặc hữu

Dựa vào danh sách thành phần loài ếch nhái, bò sát thu được, đối chiếu với các tài liệu liên quan [1, 2, 3, 8], chúng tôi đã thống kê được 37 loài ếch nhái, bò sát quý hiếm ở tỉnh Đồng Tháp (bảng 3), trong đó, ếch nhái có 16 loài (chiếm 23,18%) và bò sát 21 loài (chiếm 28,98%). Đáng lưu ý là có bốn loài bò sát thuộc cấp cực kỳ nguy cấp (bậc CR) là: *Crocodylus siamensis*, *Python molurus*, *Python reticulatus*, *Ophiophagus hannah*.

Đã xác định được loài *Limnonectes dabanus* là đặc hữu của Việt Nam (theo Nguyễn Văn Sáng và cộng sự [4]).

Bảng 3

Các loài ếch nhái, bò sát quý hiếm ở Tỉnh Đồng Tháp

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	SĐVN	IUCN	NĐ32	CITES
1	Ếch giun	<i>Ichthyophis bannanicus</i>	VU	LC		
2	Cóc nhà	<i>Bufo melanostictus</i>		LC		
3	Ếch đồng	<i>Hoplobatrachus rugulosus</i>		LC		
4	Ếch nhèo	<i>Limnonectes kuhlii</i>		LC		

5	Ếch mụn Nam bộ	<i>Limnonectes dabanus</i>		DD		
6	Ếch khăm muộm	<i>Limnonectes khammonensis</i>		DD		
7	Cóc nước sần	<i>Occidozyga lima</i>		LC		
8	Cóc nước marten	<i>Occidozyga martensii</i>		LC		
9	Chàng xanh	<i>Rana erythraea</i>		LC		
10	Chàng dài bắc	<i>Rana taipehensis</i>		LC		
11	Chàng hiu	<i>Rana macrodactyla</i>		LC		
12	Chấu	<i>Rana guentheri</i>		LC		
13	Hiu hiu	<i>Rana johnsi</i>		LC		
14	Ếch cây mép trắng	<i>Polypedates leucomystax</i>		LC		
15	Ếnh ương thường	<i>Kaloula pulchra</i>		LC		
16	Nhái bầu hây môn	<i>Microhyla heymonsi</i>		LC		
17	Tắc kè	<i>Gekko gecko</i>	VU			
18	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>	EN		IIB	II
19	Trăn đất	<i>Python molurus</i>	CR	LR	IIB	I
20	Trăn gấm	<i>Python reticulatus</i>	CR			II
21	Rắn sọc dưa	<i>Elaphe radiata</i>	VU		IIB	
22	Rắn bông voi	<i>Enhydriis bocourti</i>	VU			
23	Rắn ráo thường	<i>Ptyas korros</i>	EN			
24	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i>	EN		IIB	II
25	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i>	EN		IIB	
26	Rắn hổ mang	<i>Naja atra</i>	EN		IIB	III
27	Rắn hổ mang Thái Lan	<i>Naja siamensis</i>	EN			III
28	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>	CR		IB	II
29	Rùa hộp lưng đen	<i>Coura amboinensis</i>	VU	VU		II
30	Rùa dưa	<i>Cyclemys dentata</i>		LR		
31	Rùa đất lớn	<i>Heosemys grandis</i>	VU	VU	IIB	
32	Rùa ba gờ	<i>Malayemys subtrijuga</i>	VU	VU		II
33	Rùa răng	<i>Heiremys annadali</i>	EN	EN	IIB	
35	Ba ba Nam bộ	<i>Amyda cartilaginea</i>	VU	VU		II
36	Ba ba trơn	<i>Pelodiscus sinensis</i>		VU		
37	Cá sấu xiêm	<i>Crocodylus siamensis</i>	CR	CR	IIB	I

Ghi chú: **SDVN.** Sách Đỏ Việt Nam 2004 mô tả các loài động vật bị đe dọa cấp quốc gia; **CR.** Cực kỳ nguy cấp; **EN.** Nguy cấp; **VU.** Sẽ nguy cấp. **IUCN.** Danh lục đỏ thế giới 2006 liệt kê các loài động vật hoang dã đã bị đe dọa cấp toàn cầu; **CR.** Cực kỳ nguy cấp; **EN.** Nguy cấp; **VU.** Sẽ nguy cấp; **LR.** Sắp bị đe dọa; **LC.** Đang cân nhắc đưa vào danh lục đỏ; **DD.** Thiếu dẫn liệu. **NĐ32.** Nghị định 32/2006/NĐ - CP về quản lý thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, ban hành ngày 30/3/2006. Chính phủ, số 32/2006/NĐ. **CITES.** Danh lục các động vật hoang dã ghi trong các phụ lục của công ước CITES (2000).

III. KẾT LUẬN

1. Bước đầu đã thống kê được 69 loài ếch nhái, bò sát ở tỉnh Đồng Tháp gồm 22 loài ếch nhái và 47 loài bò sát. So với khu hệ ếch nhái, bò sát toàn quốc, số loài ếch nhái, bò sát của Đồng Tháp chiếm 15,05% số loài toàn quốc, thuộc 43 giống (chiếm 27,38% tổng số giống), 18 họ (chiếm 54,55%) và 5 bộ (chiếm 83,33%). Đã ghi nhận có 37 loài ếch nhái, bò sát (chiếm 53,62%) có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2004), Danh lục Đỏ IUCN (2006), Nghị

định 32/2006/NĐ-CP, Công ước CITES và đã xác định 1 loài đặc hữu của Việt Nam.

2. Lần đầu tiên đưa ra danh lục ếch nhái, bò sát gồm 69 loài, trong đó 68 loài hoàn toàn mới cho khu hệ ếch nhái, bò sát của tỉnh. Trong danh sách gồm 69 loài, thì có 30 loài thường gặp (chiếm 43,47%), 8 loài ít gặp (chiếm 11,84%), 31 loài hiếm gặp (chiếm 44,92%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường,

- 2004: Sách đỏ Việt Nam (phần Động vật), Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
2. **Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn**, 2000: Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES, ban hành kèm theo Quyết định số 14/2002/QĐ/BNN-KL, Hà Nội.
 3. **Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam**, 2006: Nghị định về quản lý thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, ban hành ngày 30/3/2006. Chính phủ, số 32/2006/NĐ - CP.
 4. **Nguyễn Văn Sáng, Hồ Thu Cúc, Nguyễn Quảng Trường**, 2005: Danh lục ếch nhái và bò sát Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
 5. **Đào Văn Tiến**, 1981: Tạp chí Sinh vật học, 3(1): 1- 6.
 6. **Đào Văn Tiến**, 1982: Tạp chí Sinh vật học, 4(1): 5 - 9.
 7. **Campden - Main S. M.**, 1984: A Field Guide to Snakes of South Vietnam, Herpetological Search Service & Exchange, New York.
 8. **IUCN**, 2006: The IUCN Red List of Threatened Species™ (www.redlist.org), Downloaded on 20 September 2006.
 9. **Bourret R.**, 1936: Les Serpents de l'Indochine, Tome II, Imprimerie Henri Basuyau & C^{ie}, Toulouse.
 10. **Bourret R.**, 1943: Les Tortues de l'Indochine, Publications de l'Instruction Publique en Indochine, Hanoi.

THE SPECIES COMPOSITION OF AMPHIBIANS AND REPTILES IN DONGTHAP PROVINCE

NGO DAC CHUNG, HOANG THI NGHIEP

SUMMARY

The list of Herpetology in Dongthap is presented in this article. Dongthap province is the province in the Mekong delta region of Southern in Vietnam. It is located at 10°10'02" - 11°11'00" N, 105°10'00" - 105°60'00" E. We collected specimens from August 2004 to June 2006 around 11 regions of Dongthap, the time of the discovery divided into 5 times: August 2004, June 2005, August 2005, January 2006 and May 2006. Caolanh city, Sadec town and nine districts: Tanhong, Hongngu, Tamnong, Thanhbinh, Thapmuoi, Caolanh, Lapvo, Laivung, Chauthanh are places for collecting of specimens.

A total 69 species, including 22 species of Amphibian and 47 species of Reptile were recorded in Dongthap province, belong to 43 genus, 18 families, 5 orders and 2 classes. In that, the Squamata: Colubridae, Limnonectes having the number of species is the most plentyful. 30 species of them are predominant in this area.

There were 37 precious species. 19 species of them were listed in the Red Data Book of Viet Nam (2004), and 26 species in the IUCN Red List of Threatened Animals (2006), 11 species listed in CITES appendix II, 10 species listed in Governmental Degree No. 32/2006/ND - CP (dated 30/3/2006). 4 species of reptile were belong level CR: *Crocodylus siamensis*, *Python molurus*, *Python reticulatus*, *Ophiophagus hannah*.

With 69 species were described above, 68 species were first recorded in Dongthap province and 34 species are popular (49.28% of the list).

Ngày nhận bài: 21-12-2006